TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 534/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/9/2025
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Bà Trần Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Ngô Hoàng Phương Đại– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 452/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 279/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng Sơn H, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 079090040269 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 14/6/2022.

Địa chỉ: phường L, Thành phố Hồ Chí Minh; (Khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh cũ) (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1990; Căn cước công dân số: 079190010226 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 02/4/2019.

Địa chỉ: xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cũ) (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2025, các bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn ông Lê Hoàng Sơn H trình bày như sau:

Ông Lê Hoàng Sơn Hvà bà Nguyễn Thị Thanh N chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2017. Vợ chồng chung sống có 02 con chung là Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 03/7/2021.

Vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu về tình cảm và kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng từ thời điểm khoảng 2018 đến nay, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn hơn, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung ở nhà vợ và cũng phát sinh một số mâu thuẫn với gia đình vợ. Ông H nhiều lần yêu cầu bà N ra ở riêng để có cuộc sống vợ chồng riêng tư hơn nhưng bà N không đồng ý và có ý muốn được sống chung với cha mẹ đẻ. Từ khoảng năm 2019 ông Hchuyển về nhà cha mẹ ruột sống ở Thủ Đức, vợ chồng không còn sống chung từ đó cho tới nay.

Nay ông Hnhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 03/7/2021. Ông Hđồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp và ông không cấp dưỡng nuôi con. Vì từ nhỏ các bé đã sống chung với mẹ ở gia đình ngoại, để ổn định cho cuộc sống của bé và việc học tập được thuận lợi nên ông Hgiao con cho bà N trực tiếp chăm sóc. Việc cấp dưỡng cho con thì từ khi ông Hchuyển về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, ông vẫn thường xuyên thăm nom và gửi tiền chu cấp cho con ăn uống cũng như học hành. Do đó, ông Hvẫn sẽ tiếp tục chăm lo kinh tế cho con tùy theo khả năng của bản thân vào từng giai đoạn và theo sự thỏa thuận riêng của hai vợ chồng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Toà án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lê Hoàng Sơn Hđược ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N. Giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hải. Bà Nguyễn Thị Thanh N pHchịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Hoàng Sơn Hvà bà Nguyễn Thị Thanh N chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Hkhởi kiện yêu cầu ly hôn với bà N, đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn"; bị đơn cư trú tại xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bà Nguyễn Thị Thanh N không đến Tòa án trong cả hai lần được Tòa án triệu tập mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần Tòa án mở phiên tòa xét xử. Do vậy việc xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

3. Về yêu cầu của đương sự:

a) Về quan hệ hôn nhân:

Vợ chồng mâu thuẫn chủ yếu về tình cảm và kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh trầm trọng từ thời điểm khoảng 2018, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn hơn, vợ chồng không cùng tiếng nói chung, không chia sẻ được với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung ở nhà vợ và cũng phát sinh một số mâu thuẫn với gia đình vợ. Ông Hnhiều lần yêu cầu bà N ra ở riêng để có cuộc sống vợ chồng riêng tư hơn nhưng bà N không đồng ý và có ý muốn được sống chung với cha mẹ đẻ. Từ khoảng năm 2019 ông Hchuyển về nhà cha mẹ ruột sống ở Thủ Đức, vợ chồng không còn sống chung từ đó cho tới nay. Nay ông Hnhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

Theo kết quả xác minh của Công an xã B, Thành phố Hồ Chí Minh: *"Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1990 có đăng ký cư trú, có thực tế cư trú tại địa chỉ xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (diện cư trú khai báo chỗ ở hiện tại)"*. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mời các bên đến để hòa giải hàn gắn gia đình theo quy định; tuy nhiên, bà N không đến Tòa án là không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, cũng như không có ý kiến phản hồi phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được…"*.

Đối chiếu nội dung sự việc với các quy định của pháp luật thì việc ông Hyêu cầu ly hôn với bà N là có đủ cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Hoàng Sơn H.

b) Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 03/7/2021.

Căn cứ vào Công văn số 1585/UBND ngày 10/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh: *"Qua xác minh Trưởng ấp 31 cung cấp thông tin như sau: Mâu thuẫn: Do ghen tuông. Con chung đang sinh sống với bà Nguyễn Thị Thanh N tại nhà xã B, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Lê Hoàng Sơn H không sinh sống cùng bà Nguyễn Thị Thanh N. Ngoài ra địa phương không nắm thông tin gì khác"*.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thoả thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thoả thuận được thì Toà án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì pHxem xét nguyện vọng của con"*.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn ông Lê Hoàng Sơn Hvà kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh, nhận thấy vợ chồng có mâu thuẫn và đã không còn sống chung với nhau. Con chung hiện nay đang sống chung với bà N và các bé còn rất nhỏ, cần được sự chăm sóc từ người mẹ. Mặt khác theo ông Htrình bày các con đã sinh sống ổn định cùng Mẹ từ trước đến nay, do đó để ổn định cuộc sống và học tập cho các trẻ việc ông Hđồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hvề việc giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông Hkhông cấp dưỡng nuôi con.

c) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Lê Hoàng Sơn Hđược ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N. Giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hải. Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

5. Về án phí: Ông Lê Hoàng Sơn H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Lê Hoàng Sơn .

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng Sơn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 do Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Diên Hồng, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 19/4/2017 không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về con chung:

Giao con chung là trẻ Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 18/12/2018 và Lê Hoàng Nhã U, sinh ngày 03/7/2021 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hoàng Sơn Hcó quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con.

1.3 Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

2. Về án phí: Ông Lê Hoàng Sơn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/24P số 0052586 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10, Tp.HCM;
- Phòng THA DS KV10, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (12).

2 000018 350201

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Tuyết